

Số/No: 1850/2024/CV-SSIHO

V/v: Công bố Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua chào bán chứng quyền có bảo đảm

Ref: Disclosing Resolution of the Board of Directors on approval of the offering of covered warrants

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2024
Ho Chi Minh City, October 31st, 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK**

**DISCLOSURE OF INFORMATION
ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND STOCK EXCHANGE PORTALS**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

Công ty:

Organization name

Mã chứng khoán:

Ticker

Địa chỉ trụ sở chính:

Address

Điện thoại/Telephone:

Fax:

Người thực hiện công bố thông tin:

Spokesman

Chức vụ:

Position

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

SSI SECURITIES CORPORATION

SSI

SSI

72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

72 Nguyen Hue, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC

028-38242897

028-38242997

Nguyễn Kim Long

Nguyen Kim Long

Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ

Director, Legal and Compliance

Loại thông tin công bố 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Information disclosure type 24 hours irregular on demand periodic

Nội dung thông tin công bố/ *Contents of information disclosure:*

Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT ngày 30/10/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI thông qua chào bán chứng quyền có bảo đảm.

Resolution No. 16/2024/NQ-HĐQT dated October 30th, 2024 of the Board of Directors of SSI Securities Corporation on approval of the offering of covered warrants

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/10/2024 tại đường dẫn www.ssi.com.vn.

This information was posted on SSI website on October 31st, 2024 at this link www.ssi.com.vn



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền công bố thông tin
Party authorized to disclose information



Nguyễn Kim Long
Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ
Director, Legal and Compliance





Số: 16/2024/NQ-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Về việc chào bán chứng quyền có bảo đảm

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**

Căn cứ:

- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI;
- Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/01/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Biên bản tổng hợp ý kiến Hội đồng quản trị ngày 30/10/2024;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm từ ngày ban hành Nghị quyết này đến hết năm 2025 theo chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

Điều 2: Thông qua việc đăng ký lưu ký chứng quyền tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết chứng quyền trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi hoàn thành phân phối chứng quyền, toàn bộ chứng quyền được chấp thuận chào bán sẽ được đăng ký lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Ủy quyền thực hiện

Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc thực hiện các công việc sau:

- Quyết định triển khai thực hiện chào bán chứng quyền, chào bán bổ sung chứng quyền, và quy định chi tiết việc chào bán chứng quyền đã được thông qua tại Điều 1 Nghị quyết này, bao gồm nhưng không giới hạn ở những việc sau:
 - Lựa chọn thời điểm chào bán;
 - Lựa chọn nhà đầu tư mua chứng quyền và số lượng chứng quyền chào bán hoặc phân phối cho mỗi nhà đầu tư;
 - Quyết định tên chứng quyền theo quy định của pháp luật và phù hợp với mỗi loại chứng quyền phát hành;



- Quyết định thời hạn của chứng quyền, ngày phát hành, ngày giao dịch cuối cùng, ngày đáo hạn;
 - Quyết định giá thực hiện, giá chào bán, số lượng chào bán phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thị trường;
 - Phân phối chứng quyền;
 - Thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để việc chào bán chứng quyền đúng quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
2. Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh và thay đổi thông tin đối với từng loại chứng quyền chào bán để phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
 3. Phê duyệt và ký các tài liệu, hồ sơ, hợp đồng liên quan đến việc chào bán chứng quyền, bao gồm: Bản cáo bạch, thông báo phát hành, các báo cáo, các tài liệu trong hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền, các hợp đồng với nhà đầu tư và bất kỳ văn bản, tài liệu, hồ sơ liên quan việc chào bán chứng quyền phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.
 4. Quyết định giá trị tài sản bảo đảm, việc lựa chọn ngân hàng lưu ký, và ký hợp đồng, tài liệu với ngân hàng lưu ký để triển khai việc tiếp nhận, ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán và thực hiện các công việc khác theo quy định.
 5. Quyết định và thực hiện các thủ tục, ký kết các tài liệu, hồ sơ cần thiết theo quy định để đăng ký lưu ký chứng quyền tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết chứng quyền trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, kể cả các hồ sơ thay đổi đăng ký lưu ký hoặc niêm yết (nếu có).

Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐQT ngày 14/12/2023 của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- HĐQT, HĐQT, BTGD;
- Lưu.



Nguyễn Duy Hưng

PHỤ LỤC: CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Đính kèm Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐQT ngày 30/10/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI)

STT	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Loại chứng quyền	Kiểu thực hiện	Phương thức thực hiện chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành dự kiến	Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Ngày đáo hạn dự kiến	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/cổ phần) (*)	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	Giá chào bán: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/chứng quyền) (*)	Tổng số lượng chào bán dự kiến (Triệu chứng quyền) (*) (**)	Tổng giá trị chào bán trung bình (tỷ VNĐ) (*)	Ngày niêm yết dự kiến
1	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 13.000 đến 52.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-200	1-1.600	Theo quyết định của HOSE
2	FPT	Công ty Cổ phần FPT	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 69.000 đến 274.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-58	1-464	Theo quyết định của HOSE
3	HDB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 13.000 đến 53.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-108	1-864	Theo quyết định của HOSE
4	HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 14.000 đến 55.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-159	1-1.272	Theo quyết định của HOSE
5	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 13.000 đến 52.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-133	1-1.064	Theo quyết định của HOSE

STT	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Loại chứng quyền	Kiểu thực hiện	Phương thức thực hiện chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành dự kiến	Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Ngày đáo hạn dự kiến	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/cổ phần) (*)	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	Giá chào bán: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/chứng quyền) (*)	Tổng số lượng chào bán dự kiến (Triệu chứng quyền) (*) (**)	Tổng giá trị chào bán trung bình (tỷ VNĐ) (*)	Ngày niêm yết dự kiến
6	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 41.000 đến 162.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-27	1-216	Theo quyết định của HOSE
7	MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 33.000 đến 132.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-49	1-392	Theo quyết định của HOSE
8	SHB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 5.000 đến 22.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 3.700	1-150	1-555	Theo quyết định của HOSE
9	SSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 8.000 đến 34.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 5.700	1-83	1-473.1	Theo quyết định của HOSE
10	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 17.000 đến 69.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-73	1-584	Theo quyết định của HOSE
11	TCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 12.000 đến 49.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-206	1-1.648	Theo quyết định của HOSE

STT	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Loại chứng quyền	Kiểu thực hiện	Phương thức thực hiện chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành dự kiến	Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Ngày đáo hạn dự kiến	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/cổ phần) (*)	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	Giá chào bán: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/chứng quyền) (*)	Tổng số lượng chào bán dự kiến (Triệu chứng quyền) (*) (**)	Tổng giá trị chào bán trung bình (tỷ VNĐ) (*)	Ngày niêm yết dự kiến
12	TPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 9.000 đến 36.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 6.000	1-62	1-372	Theo quyết định của HOSE
13	VHM	Công ty Cổ phần Vinhomes	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 23.000 đến 90.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-51	1-408	Theo quyết định của HOSE
14	VIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 10.000 đến 39.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 6.500	1-56	1-364	Theo quyết định của HOSE
15	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 21.000 đến 83.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-46	1-368	Theo quyết định của HOSE
16	VJC	Công ty Cổ phần Hàng không VIETJET	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 53.000 đến 211.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-14	1-112	Theo quyết định của HOSE
17	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 34.000 đến 135.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 8.000	1-32	1-256	Theo quyết định của HOSE

STT	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Loại chứng quyền	Kiểu thực hiện	Phương thức thực hiện chứng quyền	Thời hạn	Ngày phát hành dự kiến	Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Ngày đáo hạn dự kiến	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/cổ phần) (*)	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	Giá chào bán: dự kiến trong khoảng giá (VNĐ/chứng quyền) (*)	Tổng số lượng chào bán dự kiến (Triệu chứng quyền) (*) (**)	Tổng giá trị chào bán trung bình (tỷ VNĐ) (*)	Ngày niêm yết dự kiến
18	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 10.000 đến 42.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 7.000	1-195	1-1.365	Theo quyết định của HOSE
19	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 9.000 đến 38.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 6.300	1-38	1-239.4	Theo quyết định của HOSE
20	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	chứng quyền mua	Châu Âu	thanh toán tiền	Từ 03 đến 24 tháng	Từ ngày ký đến hết năm 2025	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Trong Quý 1/2025 đến Quý 4/2027	Từ 1:1 (01 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu) đến 20:1 (20 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu)	Từ 6.000 đến 25.000	tối thiểu 50% giá trị chứng quyền được phép chào bán	Từ 1.000 đến 4.200	1-23	1-96.6	Theo quyết định của HOSE

(*) Số lượng chào bán và khoảng giá sẽ được điều chỉnh phù hợp với mức tối thiểu hoặc tối đa mà pháp luật, Sở giao dịch chứng khoán hoặc cơ quan có thẩm quyền quy định tùy từng thời điểm.

(**) Số lượng chứng quyền tối đa dự kiến chào bán là số lượng chứng quyền tối đa tính quy đổi về tỷ lệ chuyển đổi 1:1.





No.: 16/2024/NQ-HĐQT

Ho Chi Minh City, October 30th, 2024

**THE RESOLUTION
OF THE BOARD OF DIRECTORS**
Ref: The Offering of Covered Warrants

**THE BOARD OF DIRECTORS
SSI SECURITIES CORPORATION**

Pursuant to:

- *The Charter of SSI Securities Corporation;*
- *Resolution No. 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ dated January 12th, 2018 of the General Meeting of Shareholders of SSI;*
- *The minutes of collecting voting opinions of members of the Board of Directors (the Board) on October 30th, 2024;*

RESOLVED:

Article 1: To approve the offering of covered warrants from the issuance date of this Resolution until the end of 2025, details as Appendix attached.

Article 2: To approve registration for warrant depository at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) and warrant listing at Hochiminh Stock Exchange (HOSE).

Upon completion of distribution, all warrants approved for offering will be registered for depository at VSDC and listed on HOSE according to the laws.

Article 3: To authorize the implementation

The Board hereby authorizes the Chairman or CEO:

1. To make decision on implementing the offering of covered warrants, the additional offering of covered warrants and specify the details of the offering of covered warrants as approved in the Article 1 of this Resolution, including without limitation to the following tasks:
 - Selecting the time for the offering;
 - Selecting investors and determining quantity of covered warrants to be offered or distributed to each investor;
 - Deciding covered warrant name in compliance with the laws and suitable to each kind of offered warrant;
 - Deciding covered warrant period, offering date, last trading date, maturity date;



- Deciding exercise price/strike price, offering price, and offering quantity in compliance with the laws and market conditions;
 - Covered warrant distribution;
 - Performing all necessary procedures for covered warrant offering to comply with the laws and regulations, and requirements from competent authorities.
2. To make decision on any amendments, supplements, completion and changes of information of each type of offered covered warrant in conformity with the laws and regulations, and requirements from competent authorities.
 3. To make approval and sign-off all documents, dossiers, contracts relating to warrant offering, including: Prospectus, Offering Notice, reports, documents in the covered warrant offering registration dossier, contracts with the investors and any relevant documents, dossiers related to the covered warrant offering to comply with prevailing laws.
 4. To make decision on collateral value, selecting custodian banks, and sign-off contracts and documents with selected custodian banks for receipt and depository of collaterals for payment and to implement other tasks by the laws.
 5. To make decision and implement all procedures, sign-off all necessary documents, dossiers as required by the laws for warrant depository registration at VSDC and warrant listing on HOSE (including dossiers for adjustment, if any).

Article 4: This Resolution takes effect from the signing date and replaces Resolution No. 17/2023/NQ-HĐQT dated December 14th, 2023 of the Board of Directors. Members of the Board of Directors, members of the Board of Management, related departments and individuals shall take responsibility for the implementation of this Resolution.

Recipients:

- Article 4;
- BOD, BOI, BOM;
- For archives.

ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS



NGUYEN DUY HUNG

03
CÔNG
CỔ
CHỨNG

APPENDIX: COVERED WARRANT OFFERING

(Attached to Resolution No. 16/2024/NQ-HDQT dated October 30th, 2024 of the Board of Directors of SSI Securities Corporation)

No.	Underlying stock ticker	Underlying stock issuer	Warrant type	Warrant form	Settlement method	Warrant period	Estimated Issuing date	Estimated Last trading date	Estimated Maturity date	Conversion ratio	Estimated Strike price (VND/share) (*)	Estimated value of the collaterals for payment	Estimated Offering price (VND/warrant) (*)	Estimated Total quantity (warrant Mil) (*) (**)	Estimated Average Total value (VND Bil) (*)	Estimated Listed Date
1	ACB	Asia Commercial Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 13,000 to 52,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 8,000	1-200	1-1,600	Subject to HOSE decision
2	FPT	FPT Corporation	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 69,000 to 274,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 8,000	1-58	1-464	Subject to HOSE decision
3	HDB	Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 13,000 to 53,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 8,000	1-108	1-864	Subject to HOSE decision
4	HPG	Hoa Phat Group Joint Stock Company	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 14,000 to 55,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 8,000	1-159	1-1,272	Subject to HOSE decision
5	MBB	Military Commercial Joint Stock Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 13,000 to 52,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 8,000	1-133	1-1,064	Subject to HOSE decision

No.	Underlying stock ticker	Underlying stock issuer	Warrant type	Warrant form	Settlement method	Warrant period	Estimated Issuing date	Estimated Last trading date	Estimated Maturity date	Conversion ratio	Estimated Strike price (VND/share) (*)	Estimated value of the collaterals for payment	Estimated Offering price (VND/warrant) (*)	Estimated Total quantity (warrant Mil) (*) (**)	Estimated Average Total value (VND Bil) (*)	Estimated Listed Date
6	MSN	Masan Group Corporation	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 41,000 to 162,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 8,000	1-27	1-216	Subject to HOSE decision
7	MWG	Mobile World Investment Corporation	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 33,000 to 132,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 8,000	1-49	1-392	Subject to HOSE decision
8	SHB	Sai Gon-Ha Noi Commercial Joint Stock Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 5,000 to 22,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 3,700	1-150	1-555	Subject to HOSE decision
9	SSB	Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 8,000 to 34,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 5,700	1-83	1-473,1	Subject to HOSE decision
10	STB	Sai Gon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (Sacombank)	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 17,000 to 69,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 8,000	1-73	1-584	Subject to HOSE decision
11	TCB	Vietnam Technology and Commercial Joint Stock Bank (Techcombank)	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 12,000 to 49,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 8,000	1-206	1-1,648	Subject to HOSE decision

No.	Underlying stock ticker	Underlying stock issuer	Warrant type	Warrant form	Settlement method	Warrant period	Estimated Issuing date	Estimated Last trading date	Estimated Maturity date	Conversion ratio	Estimated Strike price (VND/share) (*)	Estimated value of the collaterals for payment	Estimated Offering price (VND/warrant) (*)	Estimated Total quantity (warrant Mil) (*) (**)	Estimated Average Total value (VND Bil) (*)	Estimated Listed Date
12	TPB	Tien Phong Commercial Joint Stock Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 9,000 to 36,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 6,000	1-62	1-372	Subject to HOSE decision
13	VHM	Vinhomes Joint Stock Company	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 23,000 to 90,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 8,000	1-51	1-408	Subject to HOSE decision
14	VIB	Vietnam International Commercial Joint Stock Bank	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 10,000 to 39,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 6,500	1-56	1-364	Subject to HOSE decision
15	VIC	Vingroup Joint Stock Company	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 21,000 to 83,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 8,000	1-46	1-368	Subject to HOSE decision
16	VJC	VIETJET Aviation Joint Stock Company	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 53,000 to 211,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 8,000	1-14	1-112	Subject to HOSE decision
17	VNM	Vietnam Dairy Products Joint Stock Company (Vinamilk)	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 34,000 to 135,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 8,000	1-32	1-256	Subject to HOSE decision

No.	Underlying stock ticker	Underlying stock issuer	Warrant type	Warrant form	Settlement method	Warrant period	Estimated Issuing date	Estimated Last trading date	Estimated Maturity date	Conversion ratio	Estimated Strike price (VND/share) (*)	Estimated value of the collaterals for payment	Estimated Offering price (VND/warrant) (*)	Estimated Total quantity (warrant Mil) (*) (**)	Estimated Average Total value (VND Bil) (*)	Estimated Listed Date
18	VPB	Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank (VPBank)	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 10,000 to 42,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 7,000	1-195	1-1,365	Subject to HOSE decision
19	VRE	Vincom Retail Joint Stock Company	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 9,000 to 38,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 6,300	1-38	1-239,4	Subject to HOSE decision
20	POW	PetroVietnam Power Corporation	Call Warrant	European style	In cash	From 03 to 24 months	From the date of signing until the end of 2025	In Q1/2025 to Q4/2027	In Q1/2025 to Q4/2027	From 1:1 (01 warrant to be converted into 01 underlying security) to 20:1 (20 warrants to be converted into 01 underlying security)	From 6,000 to 25,000	min 50% of the issued-covered-warrant value	From 1,000 to 4,200	1-23	1-96,6	Subject to HOSE decision

(*) The quantity of offered warrants and price range will be adjusted in accordance with minimum and maximum level as required by laws, regulations, Stock Exchanges or competent authority from time to time.

(**) The maximum number of warrants estimated to be offered is the maximum number of warrants redeemable in terms of 1:1 conversion ratio.

